

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
VIỆT TRUNG QUẢNG BÌNH**

**Số: 153 /Gtr-VTQ**  
Về việc giải trình soát xét 6  
tháng đầu năm 2026

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

*Quảng Trị, ngày 14 tháng 8 năm 2026*

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội
- Tổ chức niêm yết: Công ty Cổ phần Việt Trung Quảng Bình
- Mã chứng khoán: VTQ
- Trụ sở chính: Thôn Việt Trung, Xã Nam Trạch, Tỉnh Quảng Trị

Căn cứ Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ tài chính về Công bố thông tin trên thị trường Chứng khoán;

Thông tin công bố: Giải trình lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hơn 10%, và lãi 6 tháng đầu năm 2026; Giải trình chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế biến động trên 5% trên báo cáo tài chính tổng hợp bán niên năm 2026 của Công ty Cổ phần Việt Trung Quảng Bình trước và sau kiểm toán như sau:

***1. Giải trình lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hơn 10%, và lãi năm 6 tháng đầu năm 2026 trên báo cáo tài chính soát xét 6 tháng đầu năm 2026.***

| TT | CHỈ TIÊU                               | Kết quả kinh doanh    |                       | Chênh lệch 6 tháng đầu năm 2026/2025 | Tỷ lệ tăng (giảm) |
|----|----------------------------------------|-----------------------|-----------------------|--------------------------------------|-------------------|
|    |                                        | 6 tháng đầu năm 2026  | 6 tháng đầu năm 2025  |                                      |                   |
| 1  | <b>Tổng doanh thu</b>                  | <b>71.821.029.721</b> | <b>26.147.561.827</b> | <b>45.673.467.894</b>                | <b>174,68%</b>    |
|    | Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 71.656.497.154        | 25.973.933.419        | 45.682.563.735                       | 175,88%           |
|    | Doanh thu hoạt động tài chính          | 35.202.276            | 32.798.416            | 2.403.860                            | 7,33%             |
|    | Thu nhập khác                          | 129.330.291           | 140.829.992           | -11.499.701                          | -8,17%            |
| 2  | <b>Tổng chi phí</b>                    | <b>61.499.389.856</b> | <b>29.629.884.027</b> | <b>31.869.505.829</b>                | <b>107,56%</b>    |
|    | Giá vốn hàng bán                       | 57.430.608.847        | 25.140.629.542        | 32.289.979.305                       | 128,44%           |
|    | Chi phí tài chính                      | -4.384.309.112        | -800.170.892          | -3.584.138.220                       | 447,92%           |
|    | Trong đó: Chi phí lãi vay              | 2.390.128.892         | 1.482.023.695         | 908.105.197                          | 61,27%            |
|    | Chi phí bán hàng                       | 2.336.466.369         | 5.000.000             | 2.331.466.369                        | 46.629,33%        |
|    | Chi phí quản lý doanh nghiệp           | 6.106.342.451         | 5.273.571.086         | 832.771.365                          | 15,79%            |
|    | Chi phí khác                           | 10.281.301            | 10.854.291            | -572.990                             | -5,28%            |
| 3  | <b>Tổng lợi nhuận trước thuế</b>       | <b>10.321.639.865</b> | <b>-3.482.322.200</b> | <b>13.803.962.065</b>                | <b>-396,40%</b>   |
| 4  | <b>Lợi nhuận sau thuế</b>              | <b>10.321.639.865</b> | <b>-3.482.322.200</b> | <b>13.803.962.065</b>                | <b>-396,40%</b>   |

Giải trình chênh lệch:

- Về các chỉ tiêu doanh thu:

+ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: 6 tháng đầu năm 2026 đạt 71,66 tỷ đồng, tăng 45,68 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2025. Nguyên nhân chủ yếu do sản lượng và giá bán các sản phẩm mủ cao su, gỗ, gỗ băm dăm và các sản phẩm khác tăng so với cùng kỳ năm trước, làm doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng đáng kể.

+ Doanh thu hoạt động tài chính: tăng 2,4 triệu đồng so với cùng kỳ năm 2025.

+ Thu nhập khác: giảm 11,5 triệu đồng so với cùng kỳ năm 2025, không ảnh hưởng đáng kể đến kết quả kinh doanh chung.

- Về các chỉ tiêu chi phí:

Giá vốn hàng bán: tăng 32,29 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2025 do sản lượng và doanh thu tiêu thụ tăng. Tuy nhiên, tốc độ tăng giá vốn thấp hơn tốc độ tăng doanh thu nên lợi nhuận gộp tăng 13,39 tỷ đồng.

Chi phí tài chính: giảm 3,58 tỷ đồng; trong đó chi phí lãi vay tăng 736,2 triệu đồng so với cùng kỳ năm trước, hoàn nhập dự phòng từ Công ty TNHH Chăn nuôi Hòa Phát Quảng Bình với số tiền 6,7 tỷ đồng tăng 4,3 tỷ so với cùng kỳ

Chi phí bán hàng: tăng 2,33 tỷ đồng, chủ yếu do hoạt động sản xuất, tiêu thụ sản phẩm tăng so với cùng kỳ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp: tăng 832,8 triệu đồng, tương ứng tăng 15,79%, do quy mô hoạt động sản xuất kinh doanh tăng và các khoản chi phí phục vụ quản lý, điều hành phát sinh trong kỳ.

Chi phí khác: giảm 0,6 triệu đồng so với cùng kỳ năm 2025.

Từ những nguyên nhân trên, lợi nhuận trước thuế và lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm 2026 đạt 10,32 tỷ đồng, trong khi cùng kỳ năm 2025 Công ty lỗ 3,48 tỷ đồng, tăng 13,80 tỷ đồng và chuyển từ lỗ sang có lãi.

Đây là những nguyên nhân chủ yếu dẫn đến biến động lợi nhuận sau thuế trên 10% và kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm 2026 của Công ty so với cùng kỳ năm 2025.

**2. Giải trình chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế chênh lệch hơn 5% trước và sau báo cáo kiểm toán soát xét 6 tháng đầu năm 2026**

| TT | CHỈ TIÊU                               | Kết quả kinh doanh    |                       | Chênh lệch so với trước kiểm toán | Tỷ lệ tăng (giảm) |
|----|----------------------------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------------------|-------------------|
|    |                                        | Sau kiểm toán         | Trước kiểm toán       |                                   |                   |
| 1  | <b>Tổng doanh thu</b>                  | <b>71.821.029.721</b> | <b>98.723.065.970</b> | <b>-26.902.036.249</b>            | <b>-27,27%</b>    |
| +  | Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 71.656.497.154        | 98.552.341.708        | -26.895.844.554                   | -27,29%           |
| +  | Doanh thu hoạt động tài chính          | 35.202.276            | 41.648.851            | -6.446.575                        | -15,48%           |



| TT        | CHỈ TIÊU                         | Kết quả kinh doanh    |                       | Chênh lệch so với trước kiểm toán | Tỷ lệ tăng (giảm) |
|-----------|----------------------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------------------|-------------------|
|           |                                  | Sau kiểm toán         | Trước kiểm toán       |                                   |                   |
| +         | Thu nhập khác                    | 129.330.291           | 129.075.411           | 254.880                           | 0,20%             |
| <b>2</b>  | <b>Tổng chi phí</b>              | 61.499.389.856        | 83.714.544.857        | -22.215.155.001                   | -26,54%           |
| +         | Giá vốn hàng bán                 | 57.430.608.847        | 82.022.389.970        | -24.591.781.123                   | -29,98%           |
| +         | Chi phí tài chính                | -4.384.309.112        | -4.868.200.110        | 483.890.998                       | -9,94%            |
| +         | Trong đó: Chi phí lãi vay        | 2.390.128.892         | 1.906.237.894         | 483.890.998                       | 25,39%            |
| +         | Chi phí bán hàng                 | 2.336.466.369         | 138.500.000           | 2.197.966.369                     | 1.587,70%         |
| +         | Chi phí quản lý doanh nghiệp     | 6.106.342.451         | 6.418.956.196         | -312.613.745                      | -4,87%            |
| +         | Chi phí khác                     | 10.281.301            | 2.898.801             | 7.382.500                         | 254,67%           |
| <b>3</b>  | <b>Tổng lợi nhuận trước thuế</b> | <b>10.321.639.865</b> | <b>15.008.521.113</b> | <b>-4.686.881.248</b>             | <b>-31,23%</b>    |
| <b>4.</b> | <b>Lợi nhuận sau thuế</b>        | <b>10.321.639.865</b> | <b>15.008.521.113</b> | <b>-4.686.881.248</b>             | <b>-31,23%</b>    |

Giải trình chênh lệch:

- Về các chỉ tiêu doanh thu:

+ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: Sau kiểm toán đạt 71,656 tỷ đồng, giảm 26,896 tỷ đồng, tương ứng giảm 27,29% so với số liệu trước kiểm toán. Nguyên nhân chủ yếu do Công ty rà soát và điều chỉnh phân chia lại doanh thu phát sinh từ Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) theo tỷ lệ và nội dung thỏa thuận giữa các bên.

+ Doanh thu hoạt động tài chính: Sau kiểm toán đạt 35,202 triệu đồng, giảm 6,447 triệu đồng, tương ứng giảm 15,48% so với trước kiểm toán, chủ yếu do tính lại lãi dự thu 6 tháng

+ Thu nhập khác: tăng không đáng kể 0,255 triệu đồng, tương ứng 0,20%, không ảnh hưởng trọng yếu đến kết quả kinh doanh.

- Về các chỉ tiêu chi phí:

+ Giá vốn hàng bán sau kiểm toán giảm 24,592 tỷ đồng, tương ứng giảm 29,98% so với trước kiểm toán. Nguyên nhân chủ yếu do điều chỉnh lại phần giá vốn tương ứng với doanh thu được phân chia theo Hợp đồng BCC.

+ Chi phí tài chính sau kiểm toán tăng 483,891 triệu đồng so với trước kiểm toán; trong đó chi phí lãi vay tăng 483,891 triệu đồng do phần chi phí lãi vay không được vốn hóa vào dự án Nhà máy chế biến cao su.

+ Chi phí bán hàng: sau kiểm toán tăng 2,198 tỷ đồng, tương ứng tăng 1.587,70% so với trước kiểm toán, chi phí vận chuyển gỗ băm dăm được điều chỉnh từ giá vốn bán hàng gỗ băm dăm cho đúng khoản mục chi phí.

+ Chi phí quản lý doanh nghiệp: sau kiểm toán giảm 312,614 triệu đồng, tương ứng giảm 4,87%, chủ yếu do điều chỉnh phân bổ chi phí quản lý theo đúng điều khoản quy định.

+ Chi phí khác: sau kiểm toán tăng 7,383 triệu đồng, tương ứng tăng 254,67%, Từ đó dẫn đến lợi nhuận trước thuế giảm còn 10,322 tỷ đồng, giảm 4,687 tỷ đồng, tương ứng giảm 31,23% so với số liệu trước kiểm toán là 15,009 tỷ đồng.

Việc điều chỉnh nhằm đảm bảo doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh được phản ánh phù hợp với bản chất giao dịch và quyền, nghĩa vụ của các bên tham gia Hợp đồng BCC.

Đây là nội dung giải trình của Công ty để làm rõ vấn đề dẫn đến lợi nhuận sau thuế chênh lệch hơn 5% trước và sau kiểm toán trên báo cáo soát xét 6 tháng đầu năm 2026

Trên đây là giải trình lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hơn 10% của 6 tháng đầu năm 2026 so với 6 tháng đầu năm 2025; lãi 6 tháng đầu năm 2026 và Giải trình chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế chênh lệch hơn 5% trước và sau báo cáo kiểm toán của Công ty cổ phần Việt Trung Quảng Bình

Trân trọng thông báo!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT.



*Phan Văn Thành*